

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiem.

Ông Nguyễn Văn An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh S, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-4-2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trần Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh S qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào tháng 8 năm 2008. Chị và anh S sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất hòa trong cuộc sống và do tính chất công việc nên anh S đi sớm về khuya đồng thời chị nghe nói anh S có tình cảm với người khác. Từ

đó chị thấy rằng anh S thờ ơ lạnh nhạt với chị, dần dần chị thấy không còn tình cảm với anh S. Thời gian khoảng tháng 12 năm 2018 chị có nộp đơn yêu cầu ly hôn đối với anh S tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nhưng sau đó chị rút đơn để chị và anh S có thời gian để hàn gắn, nhưng không thành. Hiện chị và anh S đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy đời sống hôn nhân giữa chị và anh S không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị yêu cầu ly hôn đối với anh S.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị và anh S có một con chung tên Lê Trần Anh K, sinh ngày 23-3-2005, hiện nay chị và anh S cùng trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh S có tạo lập được một số tài sản, nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Nay chị yêu cầu được ly hôn đối với anh Lê Thanh S. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Trần Anh K, sinh ngày 23-3-2005, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17-5-2019, bị đơn anh Lê Thanh S trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N là đúng về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh và chị N là khoảng tháng 7 năm 2018, anh phát hiện chị N thường hay nhắn tin và gọi điện thoại nói chuyện thân thiết với người đàn ông khác, anh không biết là ai. Nay chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh, anh yêu cầu được đoàn tụ với chị N, vì còn thương vợ con.

Trường hợp, Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Trần Anh K, sinh ngày 23-3-2005, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim N đối với anh Lê Thanh S, chị N được ly hôn với anh S. Giao cho tiếp tục nuôi cháu Lê Trần Anh K, sinh ngày 23-3-2005, anh Lê Thanh S

không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh S có đơn đề nghị vắng mặt không tham gia các phiên tố tụng. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Kim N và anh Lê Thanh S qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào tháng 8 năm 2008. Chị N và anh S sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất hòa trong cuộc sống và do tính chất công việc nên anh S đi sớm về khuya đồng thời chị nghe nói anh S có tình cảm với người khác. Từ đó chị thấy rằng anh S thờ ơ lạnh nhạt với chị, dần dần chị thấy không còn tình cảm với anh S. Thời gian khoảng tháng 12 năm 2018 chị N nộp đơn yêu cầu ly hôn đối với anh S tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nhưng sau đó chị N rút đơn để vợ chồng có thời gian để hàn gắn, nhưng không thành. Hiện chị N và anh S đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Anh Lê Thanh S cho rằng vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn từ tháng 7 năm 2018, nguyên nhân là do anh S phát hiện chị N thường hay nhắn tin và gọi điện thoại nói chuyện thân thiết với người đàn ông khác, anh S không biết người đàn ông đó ai. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân dẫn đến chị N yêu cầu ly hôn với anh S, là do trong cuộc sống hôn nhân chị N và anh S không tin tưởng nhau, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng anh chị ghen tuông lẫn nhau không quan tâm chăm sóc cho nhau. Chị N đã nộp đơn yêu cầu ly hôn một lần nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng có thời gian để hàn gắn nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Thanh S có nguyện vọng được đoàn tụ với chị N, nhưng không có thiện chí để hàn gắn đoàn tụ, anh S đề nghị vắng không đến Tòa án để tham gia các phiên tố tụng. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Lê Trần Anh K, sinh ngày 23-3-2005, hiện nay anh S và chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng, Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của cháu, thấy rằng cháu có nguyện vọng muốn sống với chị N, chị N cũng có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, chị N hiện có công việc và thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi con. Do đó, để tạo điều kiện cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu K, cần giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 217, 220, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim N được ly hôn đối với anh Lê Thanh S.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Anh K, sinh ngày 23-3-2005, cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị N không yêu cầu.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017049 ngày 11-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKS ND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Tấn Đạt